

Bản án số: 426/2024/HC-PT
Ngày: 31/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực
Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 186/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2024 do có kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7693/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Phan Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn H, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số D, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

- Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1977; địa chỉ: Đ, thôn N, xã V, huyện Ú, thành phố Hà Nội. Có mặt.

* **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Thị trấn H, huyện T,

tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Doanh nghiệp tư nhân K; địa chỉ: K, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L – Chức vụ: Giám đốc; Vắng mặt.

2. Công ty TNHH T2; địa chỉ: Số nhà C, đường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị H1 – Chức vụ: Giám đốc; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đã được bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị P là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2015, bà Phan Thị P nhận chuyển nhượng một quán cơm có diện tích khoảng 300m² của bà Nguyễn Thị L là Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân K (Doanh nghiệp K); địa chỉ trụ sở chính: Km8, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo bà P được biết, phần diện tích đất xây dựng quán cơm là đất bà L nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của một số hộ dân có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2016, bà P tiếp tục nhận chuyển nhượng của bà L 01 quán karaoke có diện tích khoảng 200m² cũng nằm trên phần diện tích đất bà L mua của của các hộ dân; đến năm 2017, bà P mua 01 kho chứa hàng được xây dựng bằng tôn thép có diện tích khoảng 500m²; phần kho hàng này bà P đã sửa sang kinh doanh đồ dùng bím, sữa cho trẻ em. Toàn bộ tổng diện tích đất bà P nhận chuyển nhượng từ bà L là khoảng 1000m² có địa chỉ tại K, xã K, huyện T (nay là thị trấn K). Sau khi nhận chuyển nhượng đất và các công trình gắn liền trên đất của bà L thì bà P tiếp tục sử dụng, không có tranh chấp với ai, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Cuối năm 2021, bà P nhận được thông báo làm việc của Ủy ban nhân dân (UBND) xã K do có đơn yêu cầu giải quyết của bà Hoàng Thị H1 là Giám đốc công ty TNHH T2 (Công ty T2) yêu cầu giải quyết việc hộ ông bà Bình P1 xây dựng công trình quán bán hàng ăn, nhà bán thuốc, nhà karaoke, nhà kho chứa phế liệu... trên toàn bộ phần diện tích 800m² hành

lang giao thông do chính quyền quản lý, là đường đi vào Công ty T2. Tại các buổi làm việc, bà P1 trình bày nội dung liên quan đến việc nhận chuyển nhượng đất từ bà L và giao nộp 01 bộ hồ sơ thể hiện toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc từ tháng 8/2021 đến tháng 4/2022 đều là bà P1 trực tiếp làm việc ở trụ sở UBND xã K.

Ngày 12/7/2022, bà P1 nhận được và biết Quyết định được niêm yết tại Nhà văn hóa thôn H3, có nội dung phần diện tích đất bà P1 nhận chuyển nhượng của bà L đã bị Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/7/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có nội dung: *Buộc bà Nguyễn Thị L – Giám đốc Doanh nghiệp K phải phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép (nhà ở và công trình khác) và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra trên phạm vi đất hành lang đường giao thông thuộc thôn H, xã KLong.*

Theo bà Phan Thị P: Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T là trái quy định pháp luật vì:

Thứ nhất, việc Chủ tịch UBND huyện T ra quyết định đối với Doanh nghiệp K là xác định sai đối tượng sử dụng đất. Năm 2003, Doanh nghiệp K được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cho thuê diện tích đất là 2000m² đất tại xứ đồng số H, xã K, huyện T. Quá trình sử dụng, Doanh nghiệp K nhận chuyển nhượng của một số hộ dân có phần diện tích đất nông nghiệp ở cùng vị trí tiếp giáp thửa đất được UBND tỉnh giao. Trong các năm 2015, 2016 và 2017 Doanh nghiệp K đã chuyển nhượng cho bà P khoảng 1000m². Hiện nay, bà P là chủ sử dụng trực tiếp, có toàn quyền quản lý, sử dụng cũng như giải quyết mọi vấn đề liên quan đến phần diện tích đất cũng như công trình đang sử dụng.

Thứ hai, bà P không có hành vi chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở. Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T đang xác định hành vi vi phạm là “*chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở*”. Tuy nhiên, không có căn cứ để xác định đây là đất hành lang an toàn giao thông vì phần diện tích này đã được Doanh nghiệp K nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của các hộ dân, thể hiện bằng Biên bản bàn giao quyền sử dụng đất canh tác ngày 12/5/2003, có xác nhận của UBND xã K. Từ thời điểm năm 2003 đến thời điểm chuyển nhượng một phần diện tích đất cho bà P thì bà L chưa nhận được thông tin gì liên quan đến việc thu hồi đất để làm hành lang an toàn giao thông. Sau khi nhận chuyển nhượng và sử dụng thửa đất, bà P cũng chưa được nhận hay có thông báo gì về

việc phần diện tích đang sử dụng thuộc đất hành lang giao thông. Khi được UBND thị trấn K mời lên làm việc theo yêu cầu của Công ty T2 thì bà P cũng chỉ được làm việc liên quan đến nội dung đơn chứ cũng không được tiếp cận bất cứ một quyết định quy hoạch hoặc tài liệu nào chứng minh đây là đất hành lang giao thông do UBND xã quản lý.

Do vậy, bà Phan Thị P khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị hủy Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 21/02/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý vụ án và ban hành Thông báo số 10/2023/TLST-HC về việc thụ lý vụ án giữa người khởi kiện là bà Phan Thị P với người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện T. Tuy nhiên, đến ngày 01/3/2023 bà P biết được diện tích đất của bà P nhận chuyển nhượng của bà L đã bị Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 đối với Doanh nghiệp K. Theo đó, Doanh nghiệp K phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi *“Chiếm dụng đất của đường bộ hoặc đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở”*. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện và thời gian thực hiện: *Buộc bà Nguyễn Thị L- Giám đốc Doanh nghiệp K phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép (nhà ở và công trình khác) và khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra trên phạm vi đất hành lang giao thông thuộc thôn S, xã K; Thời gian thực hiện sau 15 ngày kể từ ngày bà L nhận được Quyết định này hoặc sau 30 ngày kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai tại nhà văn hóa thôn số H3 và UBND xã K cho đến khi hoàn thành việc cưỡng chế.*

Nhận vậy, Quyết định 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là sai đối tượng sử dụng đất đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P. Do đó, bà P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy: Quyết định 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 04/11/2023, bà P nhận được Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K về việc xử phạt vi phạm hành chính và

Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà.

Bà Phan Thị P sử dụng trái phép đất hành lang an toàn giao thông đường bộ tại TDP số 8, thị trấn K, huyện T làm nơi tập kết lốp ô tô hỏng, giá đựng hàng, và một số vật dụng, đồ dùng khác

3. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là:

a. *Phá dỡ toàn bộ công trình, hạng mục công trình xây dựng, lắp đặt trái phép (không có giấy phép) và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi;*
b. *Thu dọn, di chuyển... toàn bộ các loại đồ dùng vật dụng khác và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra [...]*”

Nhận thấy, Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là trái quy định pháp luật, vì:

Diện tích đất được nêu trong các quyết định trên nằm trong phần diện tích bà P nhận chuyển nhượng của Doanh nghiệp K từ những năm 2015, 2016, 2017. Thời điểm bà P nhận chuyển nhượng thì bà L đã xây dựng các công trình nêu trên và sau khi nhận chuyển nhượng, bà P tiếp tục sử dụng ổn định, không có xây dựng thêm bất kỳ công trình nào. Vì vậy, gia đình bà P không có hành vi tự ý dựng 02 cánh cổng sắt bằng tôn màu xanh gắn kết với khung thép như Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K cũng như hành vi xây dựng các công trình trái phép theo như Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T.

Từ những căn cứ như trên, bà Phan Thị P đề nghị Tòa án: Huỷ Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K về việc xử phạt vi phạm hành chính và huỷ Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Người bị kiện trình bày:

- **Chủ tịch UBND huyện T trình bày:** Theo Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc tỉnh Phúc về việc cho Doanh nghiệp K thuê đất xây dựng cơ sở kinh doanh tại xã K, huyện T: “UBND tỉnh Quyết định thu hồi 2.800m² đất nông nghiệp tại xứ đồng số 8 xã K, huyện T và giao cho Doanh nghiệp K thuê 2.000m² sử dụng vào mục đích xây dựng cơ bản, thời hạn sử dụng 40 năm kể từ ngày 31/12/2003; còn lại 800m² đất thu hồi là đất

hành lang đường giao thông do chính quyền địa phương quản lý; Doanh nghiệp K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các chủ sử dụng đất bị thu hồi, ký hợp đồng thuê đất, đăng ký sử dụng đất và chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng đất đai và quản lý xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật”.

Sau khi được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cho thuê đất, bà Nguyễn Thị L là Giám đốc Doanh nghiệp K đã thực hiện xây dựng cơ sở kinh doanh của Doanh nghiệp và đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.

Đến tháng 3/2021, Công ty T2 do bà Hoàng Thị H1 là Giám đốc khi trúng đấu giá tài sản gồm quyền sử dụng đất 2000m² thuộc tờ bản đồ số 9, tại Km 8, thị trấn KLong và các tài sản trên đất đã có đơn kiến nghị đề nghị xử lý đối với tổ chức, cá nhân xây dựng trái phép công trình trên phạm vi đất hành lang giao thông tiếp giáp với diện tích 2.000m² đất Công ty T2 trúng đấu giá. Khi nhận được đơn kiến nghị, UBND thị trấn K đã thành lập Tổ công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về xây dựng, lấn, chiếm hành lang giao thông đường Quốc lộ 2B (cũ), khu vực Công ty T2; thực hiện kiểm tra, xác minh, tiến hành đo vẽ diện tích hành lang giao thông để xác định diện tích vi phạm của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức liên quan. Qua kiểm tra, rà soát, thống kê các công trình vi phạm hành lang QL2B (cũ), UBND thị trấn K đã phối hợp với Phòng KT&HT huyện xác định: Doanh nghiệp K sau khi được UBND tỉnh cho thuê 2.000m² đất xây dựng cơ sở kinh doanh trên diện tích UBND tỉnh cho thuê và các công trình trên diện tích 800m² đất hành lang giao thông được UBND tỉnh giao cho địa phương quản lý tại Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể: Doanh nghiệp K đã xây dựng các công trình bao gồm: “*Năm 2008: xây dựng 01 nhà 1 tầng cấp 4 với diện tích 139,4m², kết cấu nhà khung thép với 10 cột thép, tường xây gạch bao quanh cao 4m, mái lợp tôn cao 2,1m; mặt trước có 01 cửa cuốn; năm 2015: xây dựng 01 nhà tôn với diện tích 158,8m²; 01 nhà 1 tầng cấp 4 với diện tích 135,1m², kết cấu nhà khung thép với 16 cột thép, tường xây gạch bao quanh cao 4m, mái lợp tôn cao 2,1m; mặt trước gồm 03 cửa cuốn; năm 2016: xây dựng 01 nhà 2 tầng cấp 4 với diện tích 190m², kết cấu nhà khung thép với 16 cột thép, tầng 1 xây gạch bao quanh cao 3.9m, tầng 2 xây gạch bao quanh cao 3.6m mái lợp tôn và lá cọ cao 3m; mặt trước gồm 01 cửa cuốn; 02 vách kính; năm 2017: 01 mái tôn, vì kèo sắt với diện tích 149m²”.*

Việc bà L là Giám đốc Doanh nghiệp K xây dựng các công trình trên đất hành lang giao thông đường bộ như trên được xác định là hành vi “*chiếm dụng*

đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở” vi phạm quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt (sau đây gọi là Nghị định số 100/2019/NĐ-CP). Chủ tịch UBND thị trấn K đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC ngày 28/4/2022 đối với Doanh nghiệp K và chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND huyện T để xử lý theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính và đề nghị của cơ quan chuyên môn, ngày 17/6/2022 ông Nguyễn Minh T - Phó Chủ tịch UBND huyện T ký ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K (Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022).

Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 là đảm bảo có căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, thể thức và trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Do đó, bà Phan Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 là không có căn cứ, vì:

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC do Chủ tịch UBND thị trấn K lập ngày 28/4/2022 và các tài liệu kèm theo gồm: Biên bản xác minh điều kiện thi hành án lập ngày 16/3/2021; Biên bản về việc giao nhận tài sản thi hành án lập ngày 26/3/2021; Đơn đề nghị đề ngày 31/5/2021 của Công ty T2 kèm theo Biên bản làm việc lập ngày 24/3/2021 giữa Đại diện Doanh nghiệp K và Đại diện Công ty T2; Biên bản làm việc UBND thị trấn K lập ngày 04/4/2022 kèm theo giấy tờ mua bán quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa bà Phan Thị P và bà L và Biên bản làm việc UBND thị trấn K lập ngày 26/4/2022; xác định:

Bà Nguyễn Thị L - Giám đốc Doanh nghiệp K sau khi được UBND tỉnh cho thuê đất để xây dựng cơ sở kinh doanh theo Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003, đến năm 2017 đã xây dựng các công trình trên diện tích 800m² đất hành lang giao thông đường QL2B (cũ) được UBND tỉnh giao cho địa phương quản lý. Bà Phan Thị P chỉ là người sử dụng các công trình do bà L xây dựng trái phép trên diện tích 800m² đất hành lang giao thông đường QL2B

(cũ) được UBND tỉnh giao cho địa phương quản lý (Biên bản làm việc UBND thị trấn K lập ngày 04/4/2022).

Việc xác định bà L - Giám đốc Doanh nghiệp K xây dựng các công trình trên đất hành lang an toàn đường bộ vi phạm quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt (Nghị định số 100/2019/NĐ-CP) là đúng hành vi, đúng đối tượng.

Tại các buổi làm việc giữa UBND thị trấn K với bà P thì bà P xác định toàn bộ tài sản, vật kiến trúc, công trình xây dựng trên diện tích 800m² đất hành lang giao thông đường QL2B (cũ) là do bà L xây dựng từ những năm 2010, sau đó đến năm 2015 bà L đã chuyển nhượng cho bà P, nguồn gốc đất này bà L mua đất nông nghiệp của các hộ dân. Khi bà L và bà P mua bán có lập các giấy tờ về việc mua bán. Tuy nhiên các giấy tờ mua bán quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chỉ có chữ ký, điểm chỉ của bà P và bà L nhưng không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền là không đúng theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 167 Luật Đất đai 2013; diện tích 800m² đất hành lang giao thông đường QL2B theo Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh là đất công do chính quyền địa phương quản lý, không được phép mua bán, chuyển nhượng, xây dựng công trình khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Việc bà P mua bán quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các giấy tờ viết tay với bà L trên đất hành lang giao thông do địa phương quản lý khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép dẫn đến khiếu kiện. Do thấy vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, nhiều lần UBND xã K mời bà L đến làm việc, nhưng bà L không phối hợp; Chủ tịch UBND xã K lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC ngày 28/4/2022 đối với bà L và chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND huyện để xử lý là đúng theo quy định.

** Việc ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022.*

Qua xem xét hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm do Chủ tịch UBND thị trấn K chuyển đến và ý kiến tham mưu của cơ quan chuyên môn, Chủ tịch UBND huyện xác định hành vi vi phạm hành chính của bà L đã kết thúc, ngày 16/3/2021 là thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm và Biên bản xác minh điều kiện thi hành án lập ngày 16/3/2021 là tài liệu, chứng cứ để xác định thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 1, Điều 4a Nghị định số 100/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020, thì hành vi vi phạm điểm a khoản 9 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung năm 2021 của Doanh nghiệp K thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính do hết thời hiệu nhưng vẫn ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm đ, khoản 10, Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP là: *“Buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép) và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra”*.

Căn cứ khoản 2, Điều 38; Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020; Điều 75 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP việc xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Doanh nghiệp K thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện. Như vậy Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền.

Hình thức Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ được ban hành theo Mẫu quyết định số 15 Phụ lục một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; Nội dung Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ có đầy đủ căn cứ pháp lý; Quyết định ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020; thời hạn ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ phù hợp. Sau khi ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ do bà L không tự giác thực hiện, ngày 17/02/2023 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 179/QĐ-KPHQ về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, việc ban hành quyết định này là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Chủ tịch UBND huyện ban hành các quyết định nêu trên là đúng quy định tại khoản 1, Điều 8; khoản 3, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020; khoản 5, Điều 34 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Để tuyên truyền, vận động, đôn đốc thi hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành văn bản số 2545/UBND-KT&HT ngày 22/8/2022 đôn đốc bà L chấp hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tự phá dỡ toàn bộ công trình vi phạm xong trước ngày 01/9/2022; Văn bản số 2604/UBND-KT&HT ngày 25/8/2022, yêu cầu các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có tài sản trên phạm vi 800m² đất hành lang đường giao thông nói trên, thực hiện việc di dời toàn bộ tài sản của mình ra khỏi vị trí vi phạm của bà L xong trước ngày 31/8/2022. Tuy nhiên, đến hết tháng 10/2022 bà L không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tự phá dỡ công trình vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan không thực hiện việc tự phá dỡ công trình vi phạm, di dời tài sản ra khỏi vị trí vi phạm.

UBND thị trấn K đã tổ chức kiểm tra, xác minh và lập Biên bản vi phạm hành chính số 39/BB-VPHC ngày 23/11/2022 đối với bà Phan Thị P; Biên bản số 02/BB-XM lập ngày 06/01/2023 xác minh tình tiết vi phạm hành chính, xác định bà Phan Thị P đã tổ chức cải tạo, lắp dựng một số cửa cuốn, cửa kính cường lực, cửa nhôm kính... để nhiều đồ dùng, vật dụng khác tại các công trình do bà L xây dựng trái phép trên đất hành lang đường giao thông thuộc TDP số 8, thị trấn K để sử dụng, vi phạm quy định tại điểm d, khoản 6, Điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; đồng thời chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND huyện để xử lý theo thẩm quyền.

Trong quá trình xem xét hồ sơ đề nghị xử phạt, do đã ban hành Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà L và trên cơ sở đề nghị của Phòng Tư pháp, ngày 27/3/2023 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Văn bản số 1038/UBND-TP về việc không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà P, đồng thời chỉ đạo Chủ tịch UBND thị trấn K và Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện tiếp tục tổ chức tuyên truyền, vận động bà P và các tổ chức, cá nhân có liên quan tự nguyện phá dỡ, di chuyển toàn bộ tài sản, vật dụng và các đồ dùng khác ra khỏi diện tích 800m² đất hành lang giao thông do địa phương quản lý.

Ngày 21/4/2023, Chủ tịch UBND huyện ra Văn bản số 1452/UBND-TP yêu cầu các tổ chức, cá nhân sinh sống, có tài sản, vật dụng, đồ dùng trong các công trình do bà Nguyễn Thị L xây dựng trái phép trên diện tích 800m² đất hành lang đường giao thông thuộc Tổ dân phố số H, thị trấn K phải di chuyển chỗ ở;

di dời toàn bộ tài sản, vật dụng đồ dùng của mình ra khỏi vị trí nêu trên, thời hạn thực hiện xong trước ngày 20/5/2023.

Ngày 11/5/2023, Chủ tịch UBND huyện ra Văn bản số 1684/UBND-TP đề nghị bà P tự tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, vật dụng, đồ dùng ra khỏi vị trí 800m² đất hành lang đường giao thông tại TDP số H, thị trấn K, huyện T; thời hạn thực hiện xong trước ngày 25/5/2023.

Đến ngày 17/10/2023, qua xác minh Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện xác định bà P không tự tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, vật dụng, đồ dùng ra khỏi vị trí 800m² đất hành lang đường giao thông tại TDP số 8, thị trấn K theo yêu cầu của Chủ tịch UBND huyện T. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện T đã lập Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 09/BB-XM ngày 17/10/2023.

Căn cứ hồ sơ vi phạm hành chính và đề nghị của cơ quan chuyên môn, ngày 02/11/2023 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà P (Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023). Việc ban hành quyết định là đảm bảo căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, thể thức và trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên huỷ Quyết định 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 là không có căn cứ. Cụ thể:

** Về hành vi vi phạm, đối tượng vi phạm*

Tại Biên bản làm việc UBND xã K lập ngày 19/11/2021; Biên bản làm việc UBND xã K lập ngày 04/4/2022 kèm theo giấy tờ mua bán quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa bà P với bà L và một số tài liệu liên quan khác bà Phan Thị P khẳng định đã mua lại "*Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc, công trình xây dựng trên diện tích 800m² đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 2B cũ là do bà Nguyễn Thị L - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân K xây dựng để sử dụng, bà, không tạo lập bất kỳ tài sản, vật kiến trúc, công trình kiên cố nào trên toàn bộ diện tích đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 2B cũ*".

Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 09/BBXM của Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện lập ngày 17/10/2023 xác định: có 06 vị trí xây dựng công trình xây dựng với 08 cửa cuốn, 02 cửa kính cường lực và 01 cửa nhôm kính và để các đồ dùng vật dụng khác trong các công trình xây dựng nằm trên đất hành lang đường giao thông thuộc TDP số 8, thị trấn K (*có thêm 04 cửa cuốn, 02 cửa kính cường lực và 01 cửa nhôm kính so với thời điểm tháng 4/2022*).

Như vậy việc xác định bà P đã tổ chức cải tạo, dựng cửa cuốn, cửa kính cường lực, cửa nhôm kính... và để các vật dụng, đồ dùng khác trên đất hành lang giao thông thuộc TDP số 8, thị trấn K, huyện T khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 12 và vi phạm quy định tại điểm d, khoản 6, Điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt là đúng hành vi, đúng đối tượng vi phạm.

** Việc ban hành Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023:*

- Trình tự, thẩm quyền ban hành Quyết định: Qua xem xét hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm do Chủ tịch UBND thị trấn K chuyển đến và ý kiến tham mưu của cơ quan chuyên môn, Chủ tịch UBND huyện xác định Biên bản vi phạm hành chính số 39/BB-VPHC lập ngày 23/11/2022; Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 02/BB-XM lập ngày 06/01/2023 được lập chưa đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định, do đó ngày 27/3/2023 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Văn bản số 1038/UBND-TP về việc không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà P; Văn bản số 1684/UBND-TP ngày 11/5/2023 về việc đề nghị bà P tự tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, vật dụng, đồ dùng ra khỏi vị trí 800m² đất hành lang đường giao thông tại TDP số 8, thị trấn K.

Do bà P không tự tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, vật dụng, đồ dùng ra khỏi vị trí 800m² đất hành lang đường giao thông tại TDP số 8, thị trấn K, Trưởng Phòng Kinh tế & Hạ tầng thực hiện uỷ quyền của UBND huyện tại Văn bản số 3761/UBND-TP ngày 02/10/2023, đã lập Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 09/BB-XM ngày 17/10/2023, xác định bà P vi phạm quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 12; điểm d, khoản 6, Điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ. Ngày 01/11/2023 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Văn bản số 4195/UBND-KTHT thông báo cho bà P biết hành vi vi phạm của bà P mặc dù Chủ tịch UBND huyện không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng thuộc trường hợp vẫn phải ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

Căn cứ khoản 2, Điều 38; Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 75 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019

của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, thì việc xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5; điểm d khoản 6, Điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của bà Phan Thị P thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện T.

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-GQXP ngày 22/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền ký Quyết định xử phạt thuộc thẩm quyền của Phó Chủ tịch UBND huyện. Như vậy việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2739/QĐ- KPHQ ngày 02/11/2023 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do Phó Chủ tịch UBND huyện T - Đào Văn T1 ký ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp Luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Hình thức, nội dung, thời hạn ban hành quyết định: Hình thức Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 được ban hành theo Mẫu quyết định số 15 Phụ lục một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Nội dung Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 có đầy đủ căn cứ pháp lý theo yêu cầu tại Mẫu quyết định số 15 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ; Quyết định ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Thời hạn ban hành Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch U với quy định.

Từ những nội dung trên, việc bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022; Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 và Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 là không có cơ sở. Chủ tịch UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P.

- **Chủ tịch UBND thị trấn K trình bày:** Theo Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc cho Doanh nghiệp K thuê đất xây dựng cơ sở kinh doanh tại xã K, huyện T, “UBND tỉnh Quyết định thu hồi 2.800m² đất nông nghiệp tại xứ đồng số 8, xã K, huyện T và giao cho Doanh

nghiệp K thuê 2.000m² sử dụng vào mục đích xây dựng cơ bản....; còn lại 800m² đất thu hồi là đất hành lang đường giao thông do chính quyền địa phương quản lý; Doanh nghiệp K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các chủ sử dụng đất bị thu hồi, ký hợp đồng thuê đất, đăng ký sử dụng đất và chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng đất đai và quản lý xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật”.

Sau khi được UBND tỉnh cho thuê đất, bà Nguyễn Thị L - Giám đốc Doanh nghiệp K đã tổ chức thực hiện xây dựng cơ sở kinh doanh của Doanh nghiệp và đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tháng 3/2021 Công ty T2 do bà Nguyễn Thị H2 là Giám đốc sau khi trúng đấu giá tài sản gồm quyền sử dụng 2.000m² đất thuộc bản đồ số 9, tại KM 8, xã K và các tài sản trên đất có đơn kiến nghị chính quyền địa phương xử lý đối với tổ chức, cá nhân xây dựng trái phép công trình trên phạm vi đất hành lang giao thông tiếp giáp với diện tích 2.000m² đất Công ty T2 trúng đấu giá. UBND thị trấn K đã thành lập Tổ công tác kiểm tra, xử lý vi phạm, tiến hành đo vẽ diện tích hành lang giao thông để xác định diện tích vi phạm của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức liên quan. Qua kiểm tra, rà soát các công trình vi phạm hành lang QL2B (cũ), TDP 8, UBND thị trấn K đã phối hợp với Phòng KT&HT huyện xác định: Doanh nghiệp K sau khi được UBND tỉnh cho thuê 2.000m² đất xây dựng cơ sở kinh doanh tại thị trấn K theo Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện xây dựng cơ sở kinh doanh trên diện tích đất UBND tỉnh cho thuê, đồng thời trên diện tích 800m² đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 2B (cũ) được UBND tỉnh giao cho chính quyền địa phương quản lý. Doanh nghiệp K đã tổ chức thi công xây dựng các công trình trên đất hành lang giao thông gồm: “*Năm 2008: xây dựng 01 nhà 1 tầng cấp 4 với diện tích 139,4m, kết cấu nhà khung thép với 10 cột thép, tường xây gạch bao quanh cao 4m, mái lợp tôn cao 2,1m; mặt trước có 01 cửa cuốn; năm 2015: xây dựng 01 nhà tôn với diện tích 158,8m²; 01 nhà 1 tầng cấp 4 với diện tích 135,1m, kết cấu nhà khung thép với 16 cột thép, tường xây gạch bao quanh cao 4m, mái lợp tôn cao 2,1m; mặt trước gồm 03 cửa cuốn; năm 2016: xây dựng 01 nhà 2 tầng cấp 4 với diện tích 190m², kết cấu nhà khung thép với 16 cột thép, tầng 1 xây gạch bao quanh cao 3.9m, tầng 2 xây gạch bao quanh cao 3.6m mái lợp tôn và lá cọ cao 3m; mặt trước gồm 01 cửa cuốn; 02 vách kính; năm 2017: 01 mái tôn, vì kèo sắt với diện tích 149m²”.*

Việc xây dựng các công trình trên đất hành lang an toàn đường bộ nêu trên của Doanh nghiệp K là hành vi “*Chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở*”, vi phạm điểm a, khoản 9, Điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ. Chủ tịch UBND thị trấn K lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC ngày 28/4/2022 đối với Doanh nghiệp K do bà Nguyễn Thị L làm Giám đốc và chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND huyện T để xử lý theo thẩm quyền.

Sau khi Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022, UBND thị trấn K đã gửi Quyết định đến tổ chức, cá nhân vi phạm; đã niêm yết công khai quyết định tại Nhà Văn hóa H3 và UBND thị trấn K; tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tự phá dỡ công trình vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra trên phạm vi đất hành lang đường giao thông thuộc TDP 8, thị trấn K; tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân có liên quan trong đó có bà P tự tháo dỡ, di dời tài sản, vật dụng, đồ dùng khác ra khỏi vị trí vi phạm, nhưng các tổ chức, cá nhân có liên quan không tự giác thực hiện. Việc bà P mua bán quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các giấy tờ bà P cung cấp thì không đủ cơ sở để xác định bà P có quyền sử dụng diện tích đất đã mua vì đây là đất hành lang giao thông do địa phương quản lý, việc sử dụng đất phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Đối với phần tài sản trên đất nếu bà P cho rằng mình đã mua phần công trình này và nó là tài sản của mình thì bà P có thể tự tháo dỡ, di dời tài sản của mình khỏi vị trí vi phạm, trường hợp không tự tháo dỡ, di dời khỏi vị trí vi phạm thì lực lượng cưỡng chế sẽ thực hiện phá dỡ, di dời toàn bộ công trình và các tài sản khác khỏi vị trí vi phạm theo quy định tại khoản 5, Điều 34 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Ngày 22/5/2023, UBND thị trấn K nhận được tin báo đã tiến hành kiểm tra, phát hiện gia đình bà P đã tự ý dựng 02 cánh cổng sắt bằng tôn màu xanh gắn kết với khung thép vào một phần diện tích đất của hành lang đường QL2B cũ thuộc địa phận TDP số 8, thị trấn K, huyện T thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 42, mục đích SĐĐ:DGT. (theo Bản đồ VN2000), gây cản trở việc đi lại đối với Công ty T2. Hành vi trên của gia đình bà P là hành vi vi phạm hành chính quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019, UBND thị trấn đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC 22/5/2023 đối với bà P. Cùng ngày, Chủ tịch U đã ra Quyết định xử phạt

vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC đối với bà P. Việc Chủ tịch UBND thị trấn K ban hành Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 về xử phạt vi phạm hành chính là đảm bảo căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, thể thức và trình tự thủ tục theo quy định.

Ngày 23/5/2023, UBND thị trấn đã giao Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 cho bà P thì bà P cho rằng 02 cánh cổng nêu trong Quyết định số 11/QĐ-XPHC bà P lắp đặt từ trước khi bà H2 trúng đấu giá, không phải mới lắp, bà P không đồng ý nội dung biên bản vi phạm hành chính và Quyết định số 11/QĐ-XPHC, không nhận Quyết định số 11/QĐ-XPHC.

Ngày 02/6/2023, Chủ tịch UBND thị trấn K đã ban hành Quyết định số 155/QĐ-CCXP cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị P. Ngày 07/6/2023, UBND thị trấn K đã tiến hành cưỡng chế đối với công trình vi phạm trên.

Nay bà Phan Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên huỷ Quyết định 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Doanh nghiệp tư nhân K do bà Nguyễn Thị L là Giám đốc. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bà L theo địa chỉ bà P cung cấp để yêu cầu viết bản tự khai về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng đến nay bà L không gửi bản tự khai đến Tòa án và không đến Tòa án làm việc nên Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2 do bà Hoàng Thị H1 là Giám đốc: Năm 2021 Công ty T2 mua lại tài sản của Doanh nghiệp K thông qua hình thức đấu giá là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quyết định số 5502 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (bao gồm 2000m² đất được phép xây dựng và 800m² là đất hành lang giao thông). Khi trúng đấu giá tại thời điểm này Doanh nghiệp K do bà Nguyễn Thị L làm giám đốc đã xây dựng các công trình trái phép trên diện tích 800m² đất là hành lang giao thông theo Quyết định 5502 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc thì diện tích đất hành lang giao thông này giao cho địa phương quản lý. Sau khi mua tài sản của Doanh nghiệp K thông qua hình thức đấu giá thì giữa bà L với bà H1 lập biên bản thỏa thuận tại UBND thị trấn K có nội dung Công ty T2 trả cho bà L 200.000.000 đồng để bà L chi giải phóng mặt bằng, bàn giao toàn bộ diện tích mặt bằng Doanh nghiệp K cho bà H1, bà L

cam kết tự nguyện tháo dỡ toàn công trình xây dựng trái phép trên diện tích 800m² hàng lang giao thông phía trước Doang nghiệp K trong thời hạn 45 ngày cho bà H1 (Đây chính là công trình bà L đã bán cho bà P và hiện nay Chủ tịch UBND huyện T có Quyết định buộc tháo dỡ). Tuy nhiên, bà L không thực hiện việc tự tháo dỡ theo đúng cam kết. Sau khi bà P nhận chuyển nhượng công trình do bà L xây dựng thì bà P quản lý công trình này, sau đó lắp thêm 02 cổng sắt bít phần lối đi vào phần diện tích 2000m² của Công ty T2 mua của Doanh nghiệp K. Bà H1 làm đơn đề nghị giải quyết đã được UBND thị trấn K tổ chức cưỡng chế tháo dỡ 02 cánh cổng do bà Phương I. Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thị trấn K ban hành các Quyết định buộc bà L, bà P tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép trên diện tích 800m² theo Quyết định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc là hàng lang giao thông là đúng pháp luật. Nay bà P khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thị trấn K thì bà H1 có quan điểm đề nghị không chấp nhận vì các công trình xây dựng trái phép trên diện tích 800m² ngoài việc cản trở lối đi của Công ty TNHH T2 mà còn ảnh hưởng đến an toàn giao thông vì nằm trên diện tích đất Nhà nước thu hồi làm hàng lang giao thông, che khuất tầm nhìn ảnh hưởng việc lưu thông giao thông chung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đã quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P về đề nghị hủy:

1. Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K;

2. Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K;

3. Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phan Thị P;

4. Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K, huyện T về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/3/2024, bà Phan Thị P có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm do đánh giá chứng cứ không khách quan, thu thập tài liệu không đầy đủ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 02/3/2024, bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm đề nghị hủy Bản án sơ thẩm do đánh giá chứng cứ không khách quan, có nhiều vi phạm về mặt tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Bà Nguyễn Thị L là người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp tư nhân K là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo trong vụ án vắng mặt không có lý do.

* Người khởi kiện bà Phan Thị P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Bà Hoàng Thị H1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) phúc thẩm giải quyết theo pháp luật, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà P trình bày quan điểm:

- Bà L là người đã mua đất nông nghiệp của các hộ dân sau đó thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất thành đất xây dựng trụ sở doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Quá trình giao đất và sử dụng đất từ năm 2013, bà L đã xây dựng các công trình trên đất nhưng chưa từng bị xử lý gì.

- Việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa công ty TNHH T2 tham gia tố tụng là không phù hợp; Đề nghị Hội đồng xét xử đưa công ty TNHH T2 ra khỏi vụ án này.

- Bên cạnh đó, cần xác định quy hoạch hành lang giao thông được thể hiện tại quyết định nào, chỉ giới cụ thể như thế nào để có căn cứ làm rõ bà P có lấn chiếm đối với diện tích đất là hành lang giao thông không. Tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ vụ án không có văn bản nào thể hiện diện tích 800m² nêu trên là hành lang giao thông.

- Khi đấu giá tài sản của công ty K1 do không thực hiện các nghĩa vụ với ngân hàng, tài sản được đấu giá không bao gồm phần diện tích đất 800m² được cho là hành lang giao thông mà chỉ có phần đất có diện tích 2000m².

- Khu vực đất giao cho doanh nghiệp K không có trong quy hoạch đất hành lang giao thông. Diện tích 800m² bà P sử dụng không thuộc phạm vi đất hành lang giao thông. Quyết định số 5502/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao đất cho doanh nghiệp tư nhân K không hạn chế việc xây dựng của công ty K1. Theo quy định của pháp luật, việc xây dựng các công trình cấp 4, công trình tạm không cần phải xin giấy phép xây dựng. Do đó, việc xây dựng của công ty K1 là hợp pháp nên các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND thị trấn K, huyện T đã ban hành không đúng quy định pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng hủy các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thị trấn K, huyện T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bà Nguyễn Thị L chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt không lý do. Đơn kháng cáo của các đương sự được gửi trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L là người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 225- Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà L;

+ Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo của bà Phan Thị P, Viện kiểm sát nhận thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P là có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 241-Luật Tố tụng hành chính năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số

03/2024/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Về án phí phúc thẩm: Bà P và bà L phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị P và bà Nguyễn Thị L đã được làm và nộp trong thời hạn quy định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 205, Điều 206, Điều 209 – Luật Tố tụng hành chính năm 2015 nên kháng cáo là hợp pháp, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Người bị kiện và những người có quyền liên quan khác vắng mặt nhưng đã có văn bản xin vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b, khoản 2 và khoản 4 Điều 225, Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân K, HĐXX thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do nên được coi là từ bỏ việc kháng cáo. Vì vậy căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 225-Luật Tố tụng hành chính năm 2015, HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

[3] Xét kháng cáo bản án sơ thẩm của bà Phan Thị P, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Bà Phan Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết tuyên hủy các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện T bao gồm: Quyết định 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K; Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K; Quyết định 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phan Thị P và Quyết định số 11/QĐ-

XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị P vì bà P cho rằng các Quyết định này xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà P. Xét thấy các Quyết định do bà Phan Thị P khởi kiện đều là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý giao thông đường bộ, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính; về thời gian thì các Quyết định do bà P khởi kiện vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý và đưa vụ án ra xét xử là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3.2]. Về việc xác định và triệu tập người tham gia tố tụng: Về nội dung Công ty T2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H1 là giám đốc Công ty T2 mua lại toàn bộ các tài sản của Doanh nghiệp K nên được kế thừa quyền và phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Quyết định 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi mua tài sản của Doanh nghiệp K thì bà H1 đã thỏa thuận và trả cho bà L 200.000.000 đồng (Giám đốc Doanh nghiệp K) để bà L chi giải phóng mặt bằng, bàn giao toàn bộ diện tích mặt bằng Doanh nghiệp K cho bà H1, bà L cam kết tự nguyện tháo dỡ toàn công trình xây dựng trái phép trên diện tích 800m² hành lang giao thông (đây chính là công trình bà L đã chuyển nhượng cho bà P). Tuy nhiên, bà L không bàn giao mặt bằng của Doanh nghiệp K nên bà H1 nhận đất của Doanh nghiệp K thông qua Cơ quan thi hành án; bà L cũng không thực hiện việc tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép trên diện tích đất hành lang giao thông theo đúng cam kết. Toàn bộ công trình do bà L xây dựng trái phép đã chuyển nhượng cho bà P và bà P quản lý công trình này, quá trình sử dụng sau đó lắp thêm 02 công sắt bịt phần lối đi vào Công ty T2 của bà H1. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thị trấn K ban hành Quyết định buộc bà L (người xây dựng công trình trái phép) và bà P (là người nhận chuyển nhượng và đang quản lý, sử dụng công trình xây dựng trái phép) phải tháo dỡ thì bà P khởi kiện đề nghị hủy các Quyết định. Do đó, việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc hủy Quyết định của Chủ tịch UBND huyện T và Quyết định của Chủ tịch UBND thị trấn K sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định và đưa Công ty T2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật. Do đó quan điểm của người đại diện theo ủy quyền cho bà P là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.3] Về nguồn gốc đất và người thực hiện hành vi vi phạm:

Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc cho Doanh nghiệp K thuê đất xây dựng cơ sở kinh doanh tại xã K, huyện T có nội dung thu hồi 2.800m² đất nông nghiệp và giao cho Doanh nghiệp K thuê 2.000m² sử dụng vào mục đích xây dựng cơ bản, thời hạn sử dụng 40 năm kể từ ngày 31/12/2003; còn lại 800m² đất thu hồi là đất hành lang đường giao thông do chính quyền địa phương quản lý....Quá trình sử dụng, Doanh nghiệp K có nhận chuyển nhượng của một số hộ dân có phần diện tích đất nông nghiệp ở cùng vị trí tiếp giáp thửa đất được UBND tỉnh giao và bà L – Giám đốc Doanh nghiệp K đã xây dựng một số công trình trên phần đất này.

Theo bản vẽ trích lục bản đồ địa chính khu vực giao đất cho Doanh nghiệp K tại xã K được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh, thửa đất rộng 40m x dài 50m, phần diện tích liền kề phía trước thửa đất này và tiếp giáp với đường QL2B có chiều cạnh là rộng 40m x dài 20m = 800m² là đất hành lang đường giao thông. Ngày 02/11/2004, Doanh nghiệp K được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) với diện tích 2.000m² tại xã K, huyện T. Sau khi được UBND tỉnh cho thuê đất, Doanh nghiệp K đã thực hiện xây dựng trụ sở và hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2007, Doanh nghiệp K đã thế chấp quyền sử dụng đất theo GCN và tài sản gắn liền với đất cho Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện T để vay vốn.

Ngoài việc xây các công trình trên diện tích được cấp GCN thì từ năm 2008, bà L (giám đốc Doanh nghiệp K) còn xây dựng công trình trên diện tích 800m² đất hành lang đường giao thông (phía trước phần đất Doanh nghiệp K được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cho thuê) gồm: 01 nhà 1 tầng cấp 4 diện tích 139,4m²; 01 nhà mái tôn diện tích 158,8m², 01 nhà một tầng cấp 4 diện tích 135,1m²; 01 nhà 2 tầng cấp 4 diện tích 190m² và 01 nhà mái tôn, vì kèo sắt diện tích 149m². Sau đó bà L đã sử dụng các công trình này để kinh doanh ăn uống, karaoke, ở và làm kho chứa hàng sắt. Từ tháng 6/2015 đến tháng 6/2017, bà L đã chuyển nhượng diện tích 800m² đất hành lang giao thông cùng các công trình xây dựng trên đất cho bà P, việc chuyển nhượng hai bên lập biên bản thỏa thuận và giấy giao tiền. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà P đã sửa chữa lại các công trình này, lắp thêm các cửa cuốn, lợp lại mái nhà, làm mái che phía trước rồi bà P sử dụng các công trình trên để ở, cho thuê và kinh doanh.

Quá trình vay, sử dụng vốn tại Ngân hàng thì Doanh nghiệp K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại đến Tòa án nhân dân huyện Tam Dương giải quyết. Căn cứ kết quả đấu giá tài sản ngày 19/3/2021, cùng ngày Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Dương ký hợp đồng bán tài sản là quyền sử dụng 2000m² đất thuộc tờ bản đồ 09 tại K, xã K theo GCN cấp ngày 02/11/2004 mang tên Doanh nghiệp K và tài sản gắn liền đất cho Công ty T2 với giá 5.932.000.000 đồng. Ngày 24/3/2021 tại UBND xã K giữa bà L và bà H1 đã lập biên bản làm việc có nội dung bà H1 trả cho bà L 200.000.000 đồng để bà L chi giải phóng mặt bằng, bàn giao toàn bộ diện tích mặt bằng Doanh nghiệp K cho bà H1, bà L tự nguyện tháo dỡ toàn bộ phần công trình trên diện tích xây dựng trái phép trên đất hành lang giao thông phía trước mặt Doanh nghiệp K trong vòng 45 ngày kể từ ngày thi hành án bàn giao tài sản cho bà H1. Ngày 26/3/2021, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Dương bàn giao thửa đất trên cho Công ty T2, nhưng bà L không thực hiện việc tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép như đã thỏa thuận với bà H1. Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc cho Doanh nghiệp K thuê đất xây dựng cơ sở kinh doanh tại xã K đã nêu rõ thu hồi 2.800m² đất nông nghiệp tại xứ đồng số 8 xã K, trong đó có 800m² sử dụng làm đất hành lang giao thông do địa phương quản lý nên không có căn cứ xác định diện tích 800m² đất hành lang đường giao thông thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Doanh nghiệp K. Sau khi được thuê đất, bà L không chấp hành quyết định 5502 của UBND tỉnh, thực hiện hành vi xâm lấn, chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở, quán bán hàng, kho sắt rồi đến năm 2015 – 2017 bà L chuyển nhượng diện tích đất hành lang giao thông cùng các công trình xây dựng trái phép trên diện tích đất này cho bà P là bất hợp pháp, vi phạm quy định tại Điều 43 Luật giao thông đường bộ và Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Bà Phan Thị P biết rõ phần diện tích đất cùng các công trình trên đất nhận chuyển nhượng của bà L là đất thuộc hành lang giao thông thuộc quyền quản lý của địa phương nhưng vẫn mua, sửa chữa tôn tạo rồi sử dụng để ở, kinh doanh và cho thuê từ năm 2015 đến nay, (thể hiện tại các biên bản ghi lời khai của bà L ngày 14/6/2021 và bà P ngày 05/7/2021 tại Công an xã K).

[3.4] Xét kháng cáo của bà Phan Thị P về yêu cầu khởi kiện đối với các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện T và Quyết định của Chủ tịch UBND thị trấn K.

[3.4.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu

quả và Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K và Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phan Thị P thấy rằng:

- Về hình thức: Quyết định 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 và Quyết định 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 được Chủ tịch UBND huyện T đều ban hành đúng quy định về hình thức văn bản theo Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T ban hành đúng mẫu số 10 kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

- Về thẩm quyền: Căn cứ các quyết định giao quyền của Chủ tịch UBND huyện T, đó là Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 172/QĐ-GQCC ngày 16/02/2023 về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 1110/QĐ-GQXP ngày 22/6/2023 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính, Phó Chủ tịch UBND huyện T ký các Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022, Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 và Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 52, Điều 54, Điều 85 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020; Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 2 Điều 75 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định: Ngày 26/4/2022, UBND thị trấn K đã làm việc tại thôn S, K xác định thời điểm tạo lập các tài sản, vật kiến trúc trên hành lang đường QL2C từ năm 2008 đến năm 2017, do bà L là chủ doanh nghiệp K đã xây dựng 04 công trình nhà kiên cố trên diện tích 800m² đất hành lang giao thông để ở và kinh doanh. Sau đó từ năm 2015 đến năm 2017, bà Phan Thị P đã nhận chuyển nhượng diện tích 800m² đất hành lang an toàn giao thông do bà L đã chiếm dụng cùng các công trình xây dựng trái phép trên đất để ở và kinh doanh đến nay.

Ngày 28/4/2022, Chủ tịch UBND thị trấn lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB- VPHC, xác định đối tượng vi phạm là bà L có hành vi vi phạm hành chính: Xây dựng các hạng mục công trình nhà ở và các công trình khác trong phạm vi hành lang giao thông đường bộ QL2B (cũ) phía trước Công ty T2, vi phạm quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

Ngày 04/5/2022, UBND thị trấn có Tờ trình số 55/TTr-UBND về việc đề nghị Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với Doanh nghiệp K.

Ngày 09/5/2022, Phòng kinh tế và hạ tầng huyện T có Tờ trình số 17/TTr-KT&HT đề nghị Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với Doanh nghiệp K.

Ngày 17/6/2022, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K. Do hành vi vi phạm của Doanh nghiệp K thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính vì hết thời hiệu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ... giao thông đường bộ, đường sắt ... nhưng vẫn ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm đ, khoản 10, Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi năm 2021) là: "*Buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép) và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra*", nên Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K là đúng quy định.

- Về thời hạn ban hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020.

Doanh nghiệp K chiếm dụng 800m² đất hành lang giao thông xây dựng nhà, quán bán hàng để ở và kinh doanh, sau đó từ năm 2015 đến năm 2017 đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất chiếm dụng cùng các công trình trên đất cho bà P. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối

với toàn bộ diện tích đất cùng công trình trên đất do bà P nhận chuyển nhượng của bà L. Kết quả xác định phần diện tích đất cùng các công trình trên đất do bà P hiện đang quản lý, sử dụng để ở và kinh doanh nhận chuyển nhượng từ bà L đều thuộc diện tích đất nông nghiệp được thu hồi theo Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh làm đất hành lang đường giao thông do địa phương quản lý và Doanh nghiệp K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các chủ sử dụng đất bị thu hồi. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T đã căn cứ điểm a, khoản 9, điểm đ khoản 10 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện bao gồm: Buộc bà L – Chủ doanh nghiệp K phải phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất hành lang đường giao thông là có căn cứ.

Đối với Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K. Xét thấy do hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022, bà L không tự nguyện thực hiện. Ngày 18/01/2023 Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện có tờ trình số 06/TTr-KT&HT trình Chủ tịch UBND huyện và ngày 16/02/2023, Phòng tư pháp huyện có Văn bản số 15/PTP-XLVPHC đều có nội dung đề nghị Chủ tịch U1 quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K. Ngày 17/02/2023 Chủ tịch UBND huyện căn cứ các Điều 28, Điều 70, Điều 85, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020 và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành Quyết định số 179/QĐ-KPHQ về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phan Thị P:

Để tuyên truyền, vận động, đôn đốc thi hành Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành các Văn bản số 2545/UBND-KT&HT ngày 22/8/2022 đôn đốc bà L chấp hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tự phá dỡ toàn bộ công trình vi phạm xong trước ngày 1/9/2022; Văn bản số 2604/UBND-KT&HT ngày 25/8/2022,

yêu cầu các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có tài sản trên phạm vi 800m² đất hành lang đường giao thông nói trên, thực hiện việc di dời toàn bộ tài sản của mình ra khỏi vị trí vi phạm của bà L xong trước ngày 31/8/2022. Tuy nhiên, đến hết tháng 10/2022 bà L không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tự phá dỡ công trình vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan không thực hiện việc tự phá dỡ công trình vi phạm, di dời tài sản ra khỏi vị trí vi phạm.

Ngày 21/4/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 1452/UBND- TP yêu cầu các tổ chức, cá nhân đang sinh sống, đang có tài sản, vật dụng, đồ dùng trong các công trình do bà L xây dựng trái phép trên diện tích 800m² đất hành lang đường giao thông thuộc TDP số 8, thị trấn K phải di chuyển chỗ ở; di dời toàn bộ tài sản, vật dụng đồ dùng của mình ra khỏi vị trí nêu trên, thời hạn thực hiện xong trước ngày 20/5/2023.

Ngày 11/5/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 1684/UBND- TP về việc đề nghị bà P tự tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản, vật dụng, đồ dùng ra khỏi vị trí 800m² đất hành lang đường giao thông tại TDP số 8, thị trấn K, huyện T xong trước ngày 25/5/2023.

Đến ngày 17/10/2023, qua xác minh, Phòng K2 xác định bà P không tự tháo dỡ, di dời tài sản, vật dụng, đồ dùng ra khỏi vị trí 800m² đất hành lang đường giao thông theo yêu cầu của Chủ tịch UBND huyện; cùng ngày 17/10/2023 Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện đã lập Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 09/BB-XM đối với bà P, trong đó xác định: Từ năm 2015 đến năm 2017, bà P nhận chuyển nhượng của bà L 800m² đất hành lang giao thông đường bộ do UBND thị trấn K và UBND huyện T quản lý cùng các công trình xây dựng trái phép trên đất gồm: 01 nhà 1 tầng cấp 4 với diện tích 139,4m²; 01 nhà mái tôn với diện tích 158,8m², 01 nhà một tầng cấp 4 với diện tích 135,1m²; 01 nhà 2 tầng cấp 4 với diện tích 190m² và 01 nhà mái tôn, vì kèo sắt với diện tích 149m². Sau khi nhận chuyển nhượng bà P sử dụng để ở và kinh doanh, quá trình sử dụng bà P đã tự ý cải tạo, lắp dựng thêm 04 cửa cuốn, cửa kính cường lực, cửa nhôm kính... và để các vật dụng, đồ dùng khác trên đất hành lang giao thông khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định tại điểm a, khoản 5; điểm d, khoản 6, Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Trong các ngày 18/10 và ngày 02/11/2023, Phòng K2 và Phòng tư pháp huyện Tam Dương có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với bà Phan Thị P. Ngày 02/11/2023, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phan Thị P.

Xét thấy hành vi vi phạm của bà P thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính do hết thời hiệu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020) và điểm 2 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ... giao thông đường bộ, đường sắt ... nhưng vẫn ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm d, đ, khoản 10, Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung năm 2021) là: *"Buộc phải phá dỡ toàn bộ các công trình, hạng mục công trình mà bà P đã xây dựng, lắp đặt trên diện tích 800m² đất hành lang giao thông và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; Buộc phải thu dọn, di chuyển toàn bộ các loại tài sản, đồ dùng, vật dụng khác của mình ra khỏi diện tích 800m² đất hành lang giao thông và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra"* nên ngày 02/11/2023 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phan Thị P là đúng quy định; về thời hạn ban hành Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020.

Như vậy, UBND thị trấn K lập biên bản vi phạm hành chính; Phòng kinh tế và hạ tầng huyện T lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc và đề nghị Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định buộc: Doanh nghiệp K cùng bà Phan Thị P phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do có hành vi vi phạm hành chính là chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng nhà ở; dựng công trình khác (lắp cửa cuốn, mái hiên...) trên phạm vi đất dành cho đường bộ và sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ với biện pháp: Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất hành lang đường giao thông và trả lại đất đã chiếm, sử dụng trái phép là đúng hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. Do đó bà P khởi kiện đề nghị hủy: Quyết định số 1245/QĐ-KPHQ ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc

phục hậu quả; Quyết định số 179/QĐ-KPHQ ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với Doanh nghiệp K và Quyết định số 2739/QĐ-KPHQ ngày 02/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phan Thị P là không có căn cứ.

[3.4.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị P.

- Về hình thức: Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 được Chủ tịch UBND thị trấn K ban hành đúng quy định của pháp luật về hình thức văn bản theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND thị trấn K ký Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020; Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 27 Điều 2 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ... giao thông đường bộ, đường sắt.

- Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Tháng 4/2023, UBND thị trấn K nhận được tin báo về việc bà P có hành vi dựng 02 cánh cổng sắt trên phần đất thuộc hành lang giao thông đường bộ chặn lối vào của Công ty T2. Ngày 22/5/2023, UBND thị trấn kiểm tra, phát hiện bà P đã tự ý dựng 02 cánh cổng sắt bằng tôn màu xanh gắn kết với khung thép vào một phần diện tích đất của hành lang đường QL2B cũ thuộc địa phận TDP số 8, thị trấn K thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 42, mục đích SDD:DGT, gây cản trở việc đi lại đối với lối vào Công ty T2; cùng ngày 22/5/2023, UBND thị trấn đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC đối với bà Phan Thị P, xác định bà P có hành vi vi phạm hành chính về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ quy định tại điểm a, khoản 5, điều 12, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 là đúng lỗi vi phạm; cùng ngày 22/5/2023, Chủ tịch UBND thị trấn đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC đối với bà Phan Thị P và buộc bà P phải tháo dỡ hai cánh cổng, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Do đó bà Phan Thị P khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn K xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị P là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.5] Xét việc bà Phan Thị P cho rằng nhận chuyển nhượng công trình xây dựng của bà L trên diện tích đất có nguồn gốc trước đó bà L đã nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp hợp pháp của các hộ dân tại thôn H, xã K được địa phương xác nhận nên quyền lợi của bà P phải được đảm bảo; bà P không xây dựng công trình mà Quyết định buộc bà P tháo dỡ là không đúng đối tượng thấy rằng: Tại Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc cho Doanh nghiệp K thuê ghi rõ “UBND tỉnh Quyết định thu hồi 2.800m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Số 8 xã K, huyện T và giao cho Doanh nghiệp K thuê 2.000m² sử dụng vào mục đích xây dựng cơ bản,... còn lại 800m² đất thu hồi là đất hành lang đường giao thông do chính quyền địa phương quản lý; Doanh nghiệp K có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các chủ sử dụng đất bị thu hồi, ký hợp đồng thuê đất, đăng ký sử dụng đất và chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng đất đai và quản lý xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật”. Do đó, việc bà L nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của các hộ dân có hộ khẩu tại thôn H, xã K thực chất là việc thực hiện bồi thường thiệt hại cho các chủ sử dụng đất bị thu hồi theo Quyết định 5502/QĐ-UB của UBND tỉnh Vĩnh Phúc thông qua việc thỏa thuận của người dân với Doanh nghiệp theo quy định. Pháp luật quy định rõ bà L không được phép xây dựng các công trình trên phần diện tích đất được UBND tỉnh Vĩnh Phúc xác định là hành lang giao thông mà vẫn xây dựng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép sau đó lại chuyển nhượng cho P là không đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định buộc tháo dỡ là phù hợp. Bà P cho rằng không xây dựng, chỉ nhận chuyển nhượng công trình xây dựng của bà L mà Chủ tịch UBND huyện T lại ban hành Quyết định buộc tháo dỡ đã xâm phạm đến quyền, lợi của bà P thì bà P có quyền yêu cầu bà L hoàn trả theo quy định; còn về nội dung vì sao bà Phan Thị P không phải là người xây dựng công trình, chỉ là người quản lý, sử dụng công trình mà Chủ tịch UBND huyện T quyết định buộc tháo dỡ thì đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, làm rõ ở phần trên.

[4] Từ những nội dung trên, HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P là có căn cứ pháp luật. Quá trình xét xử phúc thẩm bà Phan Thị P không cung cấp bổ sung được tài liệu nào kháng chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo là có căn cứ pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với

nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Phan Thị P. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 225; khoản 1 Điều 241; khoản 1, Điều 249-Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 1, Điều 34-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân K.

2. Bác kháng cáo của bà Phan Thị P;

Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị P, bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị L đã nộp tại Biên lai số 0007322 và số tiền 300.000 đồng bà Phan Thị P đã nộp tại Biên lai số 0007323 ngày 19/3/2024 của Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSPA, PHCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ong Thân Thắng

